

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **81**./CBTT-CMC

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CMC (“Công ty”)**

Mã chứng khoán: CVT.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Số điện thoại: 02103 991706.

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Huyền – Người đại diện theo pháp luật.

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2025.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://www.cmctiles.vn/cac-thong-tin-cong-bo/> vào ngày 28/08/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 80./CV/CMC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: giải trình chênh lệch kết quả SXKD
6 tháng đầu năm 2025 soát xét so với
cùng kỳ năm trước

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”), so sánh số cùng kỳ năm 2024 có sự chênh lệch về lợi nhuận sau thuế vì vậy, Công ty Cổ phần CMC báo cáo giải trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025	Tr đồng	4.105	29.484
2	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024	Tr đồng	3.934	40.238
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tr đồng	171	(10.754)
4	Biến động so với cùng kỳ năm trước	%	4,17%	(36,5%)

Nguyên nhân do các yếu tố sau:

Đối với báo cáo riêng:

Trong thời kỳ kinh tế vẫn đang gặp nhiều khó khăn, Công ty có các chương trình bán hàng phù hợp cho các nhà phân phối để thúc đẩy bán hàng. Đồng thời, Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất, tinh gọn và tiết kiệm chi phí vận hành giúp cải thiện tỷ lệ lợi nhuận gộp và giữ lợi nhuận sau thuế TNDN của 6 tháng đầu năm 2025 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2024.

Đối với báo cáo hợp nhất:

Chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính giảm các công ty con.

Vậy Công ty Cổ phần CMC làm báo cáo này để trình Sở GDCK TPHCM để CBTT ra thị trường.

Việt Trì, ngày 28 tháng 08 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

KÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2025
Ông Vũ Quốc Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2025
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên độc lập	
Bà Vũ Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2025
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2025
Ông Trần Huy Ánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/01/2025
Ông Nguyễn Ngọc Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/01/2025
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/01/2025
Bà Vũ Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/05/2025

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thu Hằng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14/01/2025
Bà Nguyễn Thị Ngân Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/01/2025
Ông Trần Thế Sử	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 14/01/2025
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/01/2025
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 13/01/2025 là ông Trần Đức Huy – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, từ ngày 14/01/2025 đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Huyền – Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Huyền
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 993/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 5 đến trang 38 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

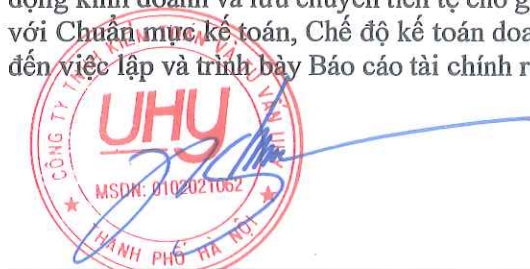
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMC tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.714.524.777.365	1.702.963.807.688
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	491.522.271.435	311.951.419.208
Tiền	111		50.798.271.435	45.951.419.208
Các khoản tương đương tiền	112		440.724.000.000	266.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	44.250.000.000	44.250.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		44.250.000.000	44.250.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.433.552.387	607.409.453.699
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	255.555.924.323	224.927.355.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	183.812.715.931	180.676.669.932
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	46.177.009.673	208.211.724.958
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(7.112.097.540)	(6.406.296.881)
Hàng tồn kho	140	9	668.469.185.459	733.992.656.925
Hàng tồn kho	141		671.966.268.954	739.441.340.513
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.497.083.495)	(5.448.683.588)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.849.768.084	5.360.277.856
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	31.028.722.784	4.585.401.752
Thuế GTGT được khấu trừ	152		820.654.980	774.365.784
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	390.320	510.320
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.537.207.902.049	1.595.825.349.727
Tài sản cố định	220		626.602.933.468	681.056.911.597
Tài sản cố định hữu hình	221	12	620.964.627.405	674.817.432.987
- Nguyên giá	222		2.051.152.758.869	2.051.349.875.496
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.430.188.131.464)	(1.376.532.442.509)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	2.898.056.037	3.329.728.584
- Nguyên giá	225		4.158.703.704	4.354.460.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.260.647.667)	(1.024.732.157)
Tài sản cố định vô hình	227	14	2.740.250.026	2.909.750.026
- Nguyên giá	228		3.390.000.000	3.390.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(649.749.974)	(480.249.974)
Tài sản dở dang dài hạn	240		39.062.526.520	36.502.875.487
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	39.062.526.520	36.502.875.487
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	850.000.000.000	850.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		850.000.000.000	850.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		21.542.442.061	28.265.562.643
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.542.442.061	28.265.562.643
TỔNG TÀI SẢN	270		3.251.732.679.414	3.298.789.157.415

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.294.032.342.335	2.344.787.648.868
Nợ ngắn hạn	310		1.483.032.885.639	1.662.622.802.872
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	187.405.836.379	242.757.627.428
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.369.445.815	3.096.232.541
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	16.233.466.554	27.693.758.774
Phải trả người lao động	314		11.173.136.397	10.767.793.576
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	38.271.204.632	46.149.879.789
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	66.790.451.390	84.357.986.889
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.157.789.344.472	1.247.799.523.875
Nợ dài hạn	330		810.999.456.696	682.164.845.996
Phải trả dài hạn khác	337	18	375.000.000.000	212.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	435.999.456.696	470.164.845.996
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		957.700.337.079	954.001.508.547
Vốn chủ sở hữu	410	20	954.465.625.367	950.360.722.511
Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
Quỹ đầu tư phát triển	418		71.192.140.926	71.192.140.926
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		501.487.789.731	497.382.886.875
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		497.382.886.875	441.358.363.748
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.104.902.856	56.024.523.127
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21	3.234.711.712	3.640.786.036
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		3.234.711.712	3.640.786.036
TỔNG NGUỒN VỐN	440		3.251.732.679.414	3.298.789.157.415

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân



Nguyễn Hoàng Sơn



Nguyễn Thị Huyền

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.121.403.348.097	774.224.911.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	57.585.795.679	47.634.596.812
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.063.817.552.418	726.590.314.859
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	936.748.865.791	577.906.764.999
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.068.686.627	148.683.549.860
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	20.609.156.349	7.321.802.387
Chi phí tài chính	22	26	72.072.398.931	85.408.861.351
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		67.895.190.001	80.143.809.033
Chi phí bán hàng	25	27	38.207.961.217	32.496.831.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	29.927.464.889	31.598.985.785
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.470.017.939	6.500.673.679
Thu nhập khác	31		347.392.655	16.491.491
Chi phí khác	32		2.374.832.165	1.098.241.568
Lỗ khác	40		(2.027.439.510)	(1.081.750.077)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.442.578.429	5.418.923.602
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.337.675.573	1.485.090.988
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.104.902.856	3.933.832.614

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân

Nguyễn Hoàng Sơn

Nguyễn Thị Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.442.578.429	5.418.923.602
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	56.631.546.600	59.368.150.152
Các khoản dự phòng	03	(1.245.799.434)	(73.033.018)
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	158.435.034	26.347.320
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(20.506.582.945)	(7.256.445.767)
Chi phí lãi vay và trái phiếu	06	67.895.190.001	85.381.309.033
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	108.375.367.685	142.865.251.322
(Tăng) các khoản phải thu	09	(31.400.032.836)	(137.024.320.713)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	66.070.071.559	(18.225.342.062)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	95.545.208.419	15.821.994.493
(Tăng) chi phí trả trước	12	(19.720.200.450)	(8.327.430.146)
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.978.028.668)	(82.998.984.565)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.446.527.165)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	140.445.858.544	(87.888.831.671)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.444.050.865)	(6.166.796.381)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(131.311.054.798)	(593.752.794.520)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	222.111.054.798	744.102.794.520
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(150.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.840.547.238	72.495.613.687
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	169.196.496.373	66.678.817.306

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		949.270.192.326	846.167.613.999
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.078.059.929.195)	(864.878.545.959)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.227.498.500)	(305.870.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(130.017.235.369)	(19.016.802.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		179.625.119.548	(40.226.816.695)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	311.951.419.208	160.727.540.938
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.267.321)	1.204.998
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	491.522.271.435	120.501.929.241

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu xây dựng được cổ phần hóa theo Quyết định số 484/QĐ-BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2600106523, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20 tháng 4 năm 2006, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 14 vào ngày 23 tháng 1 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Lô B10 – B11, KCN Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ và Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: CVT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 814 người (tại ngày 31/12/2024 là 878 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và các sản phẩm gốm sứ khác.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 02 công ty con:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10 – B11 KCN Thụy Vân, Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; hoạt động tư vấn đầu tư	99,986%	99,986%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghiệp PT	Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: giá trị xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
- Máy móc, thiết bị	5 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được vốn hóa trên Bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê biển quảng cáo
- Công cụ dụng cụ xuất dùng
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào năm thứ 3 kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng hóa và doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thiện công việc.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	93.231.274	185.733.802
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.705.040.161	45.765.685.406
- Các khoản tương đương tiền (*)	440.724.000.000	266.000.000.000
Cộng	491.522.271.435	311.951.419.208

(*) Các khoản tương đương tiền là hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	700.000.000.000	-	-	(*)	700.000.000.000	-	-	(*)
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghiệp PT	150.000.000.000	-	-	(*)	150.000.000.000	-	-	(*)
Cộng	850.000.000.000	-	-		850.000.000.000	-	-	

(*) Tại ngày 30/06/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Lô B10-B11, Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Giải pháp Cơ điện DNP SKY	70.672.351.689	-	46.579.444.813	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Công nghiệp FCC	38.495.872.820	-	8.963.713.215	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatop	20.600.000.000	-	31.600.000.000	-
- Công ty TNHH SSE	14.768.087.867	-	16.783.511.467	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bảo Phúc	-	-	40.060.915.200	-
- Các đối tượng khác	111.019.611.947	(7.112.097.540)	80.939.770.995	(6.406.296.881)
Cộng	255.555.924.323	(7.112.097.540)	224.927.355.690	(6.406.296.881)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng để mua vật tư, nguyên vật liệu và hàng hóa	169.486.078.296	-	168.685.480.135	-
- Tạm ứng khác	14.326.637.635	-	11.991.189.797	-
Cộng	183.812.715.931	-	180.676.669.932	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	19.085.042.821	-	19.270.254.817	-
- Phải thu khác	27.091.966.852	-	188.941.470.141	-
+ Phải thu từ các khoản hợp tác đầu tư	-	-	97.800.000.000	-
+ Phải thu từ lợi nhuận được chia	16.300.000.000	-	72.074.157.305	-
+ Phải thu từ chiết khấu thương mại	13.872.663	-	6.279.087.113	-
+ Phải thu từ lãi các khoản đầu tư	1.619.206.713	-	7.179.013.701	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	9.158.887.476	-	5.609.212.022	-
Cộng	46.177.009.673	-	208.211.724.958	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	423.229.206.614	-	376.501.200.313	-
- Công cụ, dụng cụ	126.565.621	-	249.892.708	-
- Thành phẩm	235.285.164.497	(3.497.083.495)	317.288.788.042	(5.448.683.588)
- Hàng hóa	13.325.332.222	-	45.401.459.450	-
Cộng	671.966.268.954	(3.497.083.495)	739.441.340.513	(5.448.683.588)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công trình xây dựng dở dang	39.062.526.520	36.502.875.487
Cộng	39.062.526.520	36.502.875.487

Chi phí xây dựng dở dang chủ yếu bao gồm chi phí dịch vụ tư vấn liên quan đến một số dự án xây dựng cơ bản của Công ty.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	31.028.722.784	4.585.401.752
- Chi phí sửa chữa lớn, bảo dưỡng	20.359.083.710	523.714.836
- Các khoản thưởng trả trước	5.031.217.787	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.960.978.145	2.914.350.287
- Chi phí bảo hiểm	538.610.144	1.010.372.494
- Chi phí thuê biển quảng cáo	16.722.092	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.122.110.906	136.964.135
Dài hạn	21.542.442.061	28.265.562.643
- Chi phí thuê biển quảng cáo	5.226.106.144	8.425.379.376
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	10.308.485.174	16.170.445.627
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.407.735.958	355.177.421
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.600.114.785	3.314.560.219
Cộng	52.571.164.845	32.850.964.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	354.314.173.469	1.628.332.774.578	66.934.317.834	1.768.609.615	2.051.349.875.496
- Mua trong kỳ	493.909.832	2.285.490.000	-	-	2.779.399.832
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.976.516.459)	-	-	(2.976.516.459)
30/06/2025	354.808.083.301	1.627.641.748.119	66.934.317.834	1.768.609.615	2.051.152.758.869
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(260.227.788.212)	(1.068.042.770.979)	(46.510.864.863)	(1.751.018.455)	(1.376.532.442.509)
- Khấu hao trong kỳ	(7.662.274.012)	(46.383.302.125)	(2.577.811.647)	(8.817.630)	(56.632.205.414)
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.976.516.459	-	-	2.976.516.459
30/06/2025	(267.890.062.224)	(1.111.449.556.645)	(49.088.676.510)	(1.759.836.085)	(1.430.188.131.464)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	94.086.385.257	560.290.003.599	20.423.452.971	17.591.160	674.817.432.987
30/06/2025	86.918.021.077	516.192.191.474	17.845.641.324	8.773.530	620.964.627.405

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 952.518.591.536 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 955.384.470.311 đồng).

Tại ngày 30/06/2025, một số tài sản cố định của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
01/01/2025	4.354.460.741
- Điều chỉnh trong kỳ	(195.757.037)
30/06/2025	<u>4.158.703.704</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN	
01/01/2025	(1.024.732.157)
- Khấu hao trong kỳ	(235.915.510)
30/06/2025	<u>(1.260.647.667)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
01/01/2025	<u>3.329.728.584</u>
30/06/2025	<u>2.898.056.037</u>

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
01/01/2025	3.390.000.000
30/06/2025	<u>3.390.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN	
01/01/2025	(480.249.974)
- Khấu hao trong kỳ	(169.500.000)
30/06/2025	<u>(649.749.974)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
01/01/2025	<u>2.909.750.026</u>
30/06/2025	<u>2.740.250.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kinh doanh Phúc Gia Khang	21.939.195.600	21.939.195.600	-	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Frit Thừa Thiên Huế	11.749.845.085	11.749.845.085	14.154.889.650	14.154.889.650
- Công ty Cổ phần IDC	5.912.155.673	5.912.155.673	18.782.598.938	18.782.598.938
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatop	5.102.521.020	5.102.521.020	15.891.003.079	15.891.003.079
- Các đối tượng khác	142.702.119.001	142.702.119.001	193.929.135.761	193.929.135.761
Cộng	187.405.836.379	187.405.836.379	242.757.627.428	242.757.627.428

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	18.932.073.621	13.772.945.348	21.349.670.628	11.355.348.341				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.477.219.472	1.337.675.573	5.446.527.165	1.368.367.880				
- Thuế thu nhập cá nhân	2.864.073.657	2.045.404.075	2.659.139.368	2.250.338.364				
- Các loại thuế khác	420.392.024	1.033.444.847	194.424.902	1.259.411.969				
Cộng	27.693.758.774	18.189.469.843	29.649.762.063	16.233.466.554				
	01/01/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã được khấu trừ				30/06/2025	
	VND	VND	VND	VND			VND	
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế xuất, nhập khẩu	390.320	24.317.249	24.317.249	390.320				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	120.000	-	120.000	-				
Cộng	510.320	24.317.249	24.437.249	390.320				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	34.616.013.714	39.698.852.381
- Các khoản trích trước khác	3.655.190.918	6.451.027.408
Cộng	38.271.204.632	46.149.879.789

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	66.790.451.390	84.357.986.889
- Phải trả LC	18.199.125.395	4.435.447.349
- Phải trả đại lý tiền chiết khấu	5.275.673.504	32.533.023.789
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.104.288.202	1.104.288.202
- Phải trả ngắn hạn khác	42.211.364.289	46.285.227.549
b) Dài hạn	375.000.000.000	212.000.000.000
- Nhận góp vốn theo hợp đồng hỗ trợ vốn (*)	375.000.000.000	212.000.000.000
Cộng	441.790.451.390	296.357.986.889

(*) Đây là khoản nhận hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 392/LC/T&D ngày 20/12/2024, số 73/2025/HTV/T&D ngày 21/03/2025, số 124/2025/HTV/T&D ngày 05/06/2025 thời gian hỗ trợ vốn là 36 tháng kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất trong hạn: 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	30/06/2025	01/01/2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ	285.809.576.279	266.352.647.102	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng	4,8%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	144.029.921.420	139.695.349.694	Kỳ hạn 6 - 7 tháng, lãi trả hàng tháng	5-5,3%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	149.992.081.889	130.148.222.985	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng	5,30%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	169.938.039.111	147.099.124.162	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng	5,9-6%	Tiền gửi có kỳ hạn và tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Miền Bắc	42.898.424.981	881.846.478	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng	7,60%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Phú Thọ	-	2.022.336.795	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng	7,50%	Tín chấp
Cộng	792.668.043.680	686.199.527.216			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

19.2 Các khoản vay ngắn hạn dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	30/06/2025	01/01/2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ	104.888.020.798	136.968.020.798	Gốc trả 3 tháng 1 lần, lãi trả hàng tháng	7% - 10%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	-	900.000.000	Gốc trả 3 tháng 1 lần, lãi trả hàng tháng	10,50%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	918.100.000	Gốc trả 6 tháng 1 lần, lãi trả hàng tháng	9%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất
Cộng	104.888.020.798	138.786.120.798			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

64.598.020.800

63.097.550.000

Vay dài hạn

40.289.999.998

75.688.570.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)
- 19.3 Trái phiếu phát hành

Chi tiết trái phiếu đã phát hành của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Mã trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng Trái phiếu	Mệnh giá VND	Giá trị VND	Lãi suất	Thời hạn trái phiếu
CVT12101 (1)	Trái phiếu doanh nghiệp	3.000.000	100.000	300.000.000.000	10,6%/năm	11 tháng 8 năm 2025
CVT12102 (2)	Trái phiếu doanh nghiệp	2.000.000	100.000	200.000.000.000	10,6%/năm	11 tháng 8 năm 2026
CVT122009	Trái phiếu doanh nghiệp	2.000.000	100.000	200.000.000.000	10,6%/năm	10 tháng 2 năm 2027
Chi phí phát hành trái phiếu				(5.275.000.000)		
				<u>694.725.000.000</u>		

Trong đó:

Trái phiếu phải trả và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ ngắn hạn: 299.625.000.000 đồng
Trái phiếu phải trả và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ dài hạn: 395.100.000.000 đồng

- (1) Lô trái phiếu đã đổi tên thành CVT12101 (Tên cũ: CVTB2125003) theo giấy chứng nhận đăng ký số 900/2023/GCNTPRL-VSDC do VSDC cấp lần đầu ngày 15/11/2023;
- (2) Lô trái phiếu đã đổi tên thành CVT12102 (Tên cũ: CVTB2126004) theo giấy chứng nhận đăng ký 902/2023/GCNTPRL-VSDC do VSDC cấp lần đầu ngày 16/11/2023.

Tài sản đảm bảo cho các hợp đồng trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 42.167.440 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT);
- Cổ phiếu bảo đảm: 21.134.744 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần CMC; và
- Các khoản tiền gửi, số dư, chứng khoán và quyền tài sản phát sinh từ chứng khoán hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT theo bảng kê trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

19.4 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký kết với Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Nợ gốc Lãi thuê tài chính Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Từ 1 năm trở xuống	984.238.674	85.958.682	1.020.766.462	122.486.470 898.279.992
Nợ thuê tài chính dài hạn				
Trên 1-5 năm	660.090.558	50.633.860	1.260.599.555	84.324.357 1.176.275.198
Cộng	1.644.329.232	136.592.542	2.281.366.017	206.810.827 2.074.555.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20.	VỐN CHỦ SỞ HỮU						
20.1	BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU						
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND		VND
01/01/2024	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	441.358.363.748	894.336.199.384		
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	56.024.523.127	56.024.523.127		
31/12/2024	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	497.382.886.875	950.360.722.511		
01/01/2025	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	497.382.886.875	950.360.722.511		
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	4.104.902.856	4.104.902.856		
30/06/2025	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	501.487.789.731	954.465.625.367		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
+ Vốn góp đầu kỳ	366.908.870.000	366.908.870.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
+ Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
+ Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. NGUỒN KINH PHÍ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	3.640.786.036	4.452.934.684
Hao mòn trong kỳ	(406.074.324)	(406.074.324)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	3.234.711.712	4.046.860.360

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.116.520.149.367	731.502.138.607
- Doanh thu khác	4.883.198.730	42.722.773.064
Cộng	1.121.403.348.097	774.224.911.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chiết khấu thương mại	56.681.110.964	47.403.648.377
- Hàng bán bị trả lại	904.684.715	230.948.435
Cộng	57.585.795.679	47.634.596.812

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	938.700.465.884	537.245.676.268
- Giá vốn khác	-	41.210.765.221
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.951.600.093)	(549.676.490)
Cộng	936.748.865.791	577.906.764.999

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư	20.506.582.945	7.256.445.768
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	63.191.436	65.356.619
- Doanh thu tài chính khác	39.381.968	-
Cộng	20.609.156.349	7.321.802.387

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	67.895.190.001	80.143.809.033
- Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	3.820.833.333	5.237.500.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	195.287.164	27.552.318
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	158.435.034	-
- Chi phí tài chính khác	2.653.399	-
Cộng	72.072.398.931	85.408.861.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng	38.207.961.217	32.496.831.432
- Chi phí nhân công	14.629.336.784	12.472.109.729
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.411.779.085	1.063.035.314
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.915.306.996	18.955.204.838
- Chi phí bán hàng khác	251.538.352	6.481.551
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	29.927.464.889	31.598.985.785
- Chi phí nhân viên quản lý	13.361.696.625	11.365.237.491
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.081.778.990	3.290.476.844
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.273.666.896	9.278.687.914
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.210.322.378	7.664.583.536
Cộng	68.135.426.106	64.095.817.217

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	631.026.610.013	504.217.628.426
- Chi phí nhân công	69.011.391.603	63.729.755.029
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.631.546.600	59.368.150.152
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.925.834.114	92.816.220.086
- (Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	(1.951.600.093)	(549.676.490)
- Chi phí bằng tiền khác	11.721.442.818	16.544.401.964
Cộng	856.365.225.055	736.126.479.167

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.442.578.429	5.418.923.602
Các khoản điều chỉnh tăng	3.197.399.527	2.079.564.354
- Khấu hao TSCĐ bị loại	575.896.354	981.322.786
- Các chi phí không được khấu trừ khác	2.621.503.173	1.098.241.568
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.951.600.093)	(73.033.018)
- Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(1.951.600.093)	(73.033.018)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	6.688.377.863	7.425.454.938
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.337.675.573	1.485.090.988
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.337.675.573	1.485.090.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30/06/2025 và trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần DNP Holding	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghiệp PT	Công ty con

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty Cổ phần DNP Holding đã sử dụng 7.261.964 cổ phiếu của mình tại Công ty để làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành như được trình bày tại thuyết minh số 19, số lượng cổ phiếu này chiếm 38,7% tổng số cổ phiếu của DNP Holding tại Công ty.

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chủ tịch Hội đồng quản trị	681.515.610	557.151.665
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	367.608.370	-
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	531.985.512
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	955.444.339	458.057.592
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	34.129.238	445.124.625
Phó Tổng Giám đốc	-	60.885.076
Phó Tổng Giám đốc	-	483.321.435
Phó Tổng Giám đốc	663.337.320	-
Cộng	2.702.034.877	2.536.525.905

31. CÁC CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty hiện đang thuê kho, văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị: VND	
	30/06/2025	01/01/2025
- Đến 1 năm	16.576.153.788	16.576.153.788
- Trên 1 - 5 năm	4.737.743.444	13.025.820.338
Cộng	21.313.897.232	29.601.974.126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	101.892,77	223.993,24
Euro (EUR)	2.616,61	2.627,68
	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017	584.352.672	584.352.672
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018	539.031.714	539.031.714
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019	2.434.936.021	2.434.936.021

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét của Công ty.

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

Nguyễn Hoàng Sơn



Nguyễn Thị Huyền